TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LẠNG SƠN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 190/2018/HS-ST Ngày 30 - 10 - 2018	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hải Đoàn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Tuấn Sỹ

Ông Đỗ Anh Đại

- Thư ký phiên tòa: Bà Lành Thị Thanh Nụ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lan Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 197/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 206/2018/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Dương U, sinh ngày 05 tháng 10 năm 1997, tại Bắc Giang. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa : Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương N và bà Đồng N; chồng, con chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 27/6/2018, tạm giam ngày 30/6/2018 đến nay. Có mặt.

- *Bị hại:* Chị Ma L, sinh năm 1990. Địa chỉ: Đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Nguyễn Đ, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thị trấn B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

2. Bà Đồng Đ, sinh năm 1977. Địa chỉ: Xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Dương U thường xuyên sang Trung Quốc làm công nhân nên có quen biết bà Lương H đã sang Trung Quốc từ năm 1993 (người cùng công ty) là mẹ của bị hại chị Ma L. Đến tháng 6 năm 2018, bị cáo lại tiếp tục sang Trung Quốc, thì được bà Lương H cho ở cùng. Quá trình ở cùng bị cáo thấy bà Lương H thường xuyên sử dụng điện thoại nhắn tin cho con gái ở Việt Nam để chuyển tiền thông qua ứng dụng Wechat. Bị cáo liền nảy sinh ý định lấy điện thoại sử dụng Wechat của bà Lương H, mạo danh bà Lương H để nhắn tin bảo chị Ma L gửi tiền vào tài khoản người quen của bị cáo ở Việt Nam để chiếm đoạt.

Đêm ngày 18/6/2018, lợi dụng bà Lương H ngủ say, bị cáo lấy điện thoại của bà Lương H mở vào ứng dụng Wechat, đăng nhập tài khoản của bà Lương H, mạo danh bà Lương H nhắn tin cho chị Ma L với nội dung: "Gửi 150.000.000 đồng vào số tài khoản 0361000325479 mang tên Nguyễn Đ mở tại ngân hàng Vietcombank". Sau đó, bị cáo xóa tin nhắn rồi dùng điện thoại của mình nhắn tin cho anh Nguyễn Đ khi nào nhận được tiền thì báo cho bị cáo biết. Trưa ngày 19/6/2018, bị cáo nhắn tin cho anh Nguyễn Đ thì được biết anh Nguyễn Đ đã nhận được 150.000.000 đồng.

Trưa ngày 19/6/2018, bị cáo cùng bà Lương H đi trên tàu về nhà bà Lương H. Lợi dụng bà Lương H ngủ say, bị cáo lấy máy điện thoại của bà Lương H đăng nhập vào Wechat bằng tài khoản của bà Lương H rồi nhắn tin cho chị Ma L với nội dung: "Gửi 100.000.000 đồng vào tài khoản 280020539369 tên Nguyễn Đ mở tại ngân hàng Agribank", sau đó bị cáo xóa tin nhắn đi để bà Lương H không phát hiện. Sau khi anh Nguyễn Đ nhận được tiền đã nhắn tin báo cho bị cáo, bị cáo nhờ anh Nguyễn Đ chuyển 10.000.000 đồng vào tài khoản của chị Phạm T mở tại ngân hàng Vietcombank tỉnh Quảng Ninh để trả tiền bị cáo nợ chị Phạm T.

Chiều ngày 19/6/2018, bà Lương H tỉnh dậy, dùng điện thoại đăng nhập vào Wechat nhưng không được. Bà Lương H cho bị cáo biết mật khẩu và nhờ bị cáo giúp bà Lương H lấy lại tài khoản Wechat trên điện thoại. Đến khoảng 23 giờ, ngày 19/6/2018, bà Lương H cùng bị cáo xuống tàu, bị cáo không về nhà bà Lương H mà đi về Việt Nam theo đường mòn cửa khẩu Chi Ma, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn và thuê phòng nghỉ tại một nhà nghỉ trên địa bàn thành phố Lạng Sơn. Tại nhà nghỉ, bị cáo lấy điện thoại của bị cáo đăng nhập vào Wechat bằng tài khoản của bà Lương H và thay đổi mật khẩu để bà Lương H không đăng nhập được vào Wechat.

Ngày 20/6/2018, bị cáo đi thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc gặp anh Nguyễn Đ để lấy tiền đã chiếm đoạt được. Anh Nguyễn Đ đưa cho bị cáo toàn bộ số tiền 240.000.000 đồng. Sau khi lấy được tiền, bị cáo đi đến cửa hàng điện thoại Nguyễn Kim, số 114, đường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc mua 02 chiếc điện thoại di động Iphone X màu trắng và màu đen hết 49 triệu đồng. Bị cáo cho anh Nguyễn Đ 01 chiếc điện thoại di động Iphone X màu đen.

Tối ngày 20/6/2018, bị cáo sử dụng điện thoại của bị cáo đăng nhập vào ứng dụng Wechat mạo danh bà Lương H nhắn tin cho chị Ma L nội dung: "Gửi 50.000.000 đồng vào tài khoản 0361000325479 của Nguyễn Đ mở tại ngân hàng Vietcombank chi nhánh tỉnh Vĩnh Phúc và 20.000.000 đồng vào tài khoản số 0141000819258 của Phạm T mở tại ngân hàng Vietcombank chi nhánh tỉnh Quảng Ninh".

Sáng ngày 21/6/2018, bị cáo tiếp tục đăng nhập Wechat mạo danh bà Lương H nhắn tin cho chị Ma L với nội dung: "Gửi thêm 9.700.000 đồng vào tài khoản Phạm T".

Chiều ngày 21/6/2018, sau khi biết tài khoản của anh Nguyễn Đ nhận được 50.000.000 đồng và tài khoản của chị Phạm T nhận được 29.700.000 đồng, bị cáo nhờ chị Phạm T gửi 5.000.000 đồng thanh toán hóa đơn mua hàng trên mạng và gửi số còn lại vào tài khoản của anh Nguyễn Đ tại ngân hàng Vietcombank tỉnh Vĩnh Phúc rồi bị cáo cùng anh Nguyễn Đ đến ngân hàng rút tiền.

Ngày 26/6/2018, bị cáo tiếp tục đăng nhập vào Wechat mạo danh bà Lương H nhắn chị Ma L gửi tiền thì chị Ma L không đồng ý và yêu cầu đến gặp lấy trực tiếp, bị cáo nhắn tin cho chị Ma L bảo mai có người lên nhận tiền thì đưa cho họ 280.000.000 đồng. Sáng ngày 27/6/2018, bị cáo thuê xe ô tô taxi lên thành phố Lạng Sơn để nhận tiền với chị Ma L thì bị Công an thành phố Lạng Sơn bắt giữ.

Tại bản cáo trạng số 193/CT-VKS ngày 09 tháng 10 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Dương U về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Dương U thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Đối với số tiền bị cáo lừa đảo chiếm đoạt được 329.700.000 đồng. Quá trình điều tra, bị cáo đã nhờ mẹ là bà Đồng Đ bồi thường cho bị hại 130.000.000 đồng, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại 150.000.000 đồng. Bị cáo đề nghị trả lại 02 chiếc điện thoại Iphone X có giá trị 38.400.000 đồng cho bị hại. Số tiền còn lại 11.300.000 đồng bị cáo sẽ có trách nhiệm trả cho bị hại.

Bị hại chị Ma L khai: Mẹ chị là bà Lương H đang sinh sống và làm việc tại Trung Quốc. Chị thường xuyên liên lạc qua mạng Wechat với bà Lương H, thỉnh thoảng bà Lương H có nhờ chị chuyển tiền hộ. Thời gian từ ngày 19/6/2018, chị nhận được nhiều tin nhắn từ tài khoản Wechat của bà Lương H bảo chị chuyển vào tài khoản số 0361000325479 và 280020539369 mang tên Nguyễn Đ và tài khoản số 0141000819258 mang tên Phạm T. Do đó, chị đã chuyển 04 lần tiền vào 03 tài khoản này với tổng số tiền là 329.700.000 đồng. Đến ngày 21/6/2018, qua liên lạc điện thoại với mẹ thì được biết bà Lương H không yêu cầu chuyển tiền vào các số tài khoản trên. Ngày 22/6/2018, chị đã đến Công an thành phố Lạng Sơn trình báo. Đến ngày 27/6/2018, Công an thành phố Lạng Sơn đã bắt giữ được bị cáo. Quá trình điều tra, chị đã nhận lại số tiền 280.000.000 đồng. Nay chị Ma L đề nghị tuyên trả 02 chiếc điện thoại Iphone X có giá trị 38.400.000 đồng và số tiền 548.000 đồng cho chị. Bị cáo còn phải bồi

thường tiếp số tiền 10.752.000 đồng. Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đ khai: Do có quan hệ tình cảm với Dương U nên anh có cho bị cáo mượn số tài khoản ngân hàng của anh để giao dịch chuyển tiền. Trong khoảng thời gian từ ngày 19/6/2018 đến ngày 21/6/2018, tài khoản số 0361000325479 và 280020539369 của anh có nhận được tổng số tiền 324.700.000 đồng. Trong đó, Ma L gửi 300.000.000 đồng, Phạm T 24.700.000 đồng. Sau khi rút tiền, anh đưa toàn bộ tiền cho bị cáo, bị cáo mua cho anh 01 điện thoại di động Iphone X màu đen và đưa cho anh cầm hộ 150.000.000 đồng. Anh không biết số tiền trên do bị cáo lừa đảo chiếm đoạt của người khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đồng Đ khai: Bà là mẹ của bị cáo Dương U. Việc bị cáo lừa đảo chiếm đoạt tài sản bà không được biết. Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo có nhờ bà giúp khắc phục hậu quả nên bà đã trả cho chị Ma L 130.000.000 đồng. Số tiền trên bà tự nguyện giúp khắc phục hậu quả, bà không có ý kiến, yêu cầu gì về số tiền này.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Dương U phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Dương U từ 07 đến 08 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền vì qua xác minh bị cáo không có tài sản để đảm bảo thi hành án. Về bồi thường dân sự: Xác nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại, trả cho bị hại 02 điện thoại Iphone X và số tiền 548.000 đồng là vật chứng vụ án, bị cáo có trách nhiệm bồi thường tiếp cho bị hại số tiền 10.752.000 đồng. Về xử lý vật chứng căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 5s màu vàng; trả lại cho bị hại 02 điện thoại di động Iphone X và 548.000 đồng; trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động Iphone 6 plus; tịch thu tiêu hủy 01 vé tàu Trung Quốc. Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không có ý kiến tranh luận tại phiên tòa. Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó,

các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản sự việc ngày 27/6/2018 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 18/6/2018 đến ngày 21/6/2018, bị cáo Dương U đã có hành vi nhiều lần dùng tài khoản Wechat của bà Lương H, mạo danh bà Lương H yêu cầu chị Ma L 04 lần chuyển khoản tổng số tiền 329.700.000 đồng vào các số tài khoản của bạn bị cáo, sau khi có được số tiền trên bị cáo đã lấy đi tiêu sài cá nhân. Khi thực hiện hành vi trên bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, quyền này được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã sử dụng thủ đoạn gian dối bằng cách mạo danh bà Lương H để chị Ma L tin tưởng và chuyển tiền cho bị cáo. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn có tiền tiêu sài bị cáo vẫn cố ý thực hiện, điều đó thể hiện sự coi thường pháp luật, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn thành phố.

[4] Về nhân thân: Bị cáo là người đã thành niên, chưa có tiền án, tiền sự, có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự, có sức khỏe và khả năng lao động nhưng do thiếu tu dưỡng, lười lao động, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại; tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Tại biên bản xác minh thể hiện bị cáo không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa chị Ma L và bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường. Xét thấy việc thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 357; Điều 584; Điều 589 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử công nhận.

[9] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Đối với 01 điện thoại di động Iphone 5s màu vàng bị cáo sử dụng để đăng nhập vào ứng dụng Wechat yêu cầu chị Ma L chuyển tiền nên đây là

công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách. Đối với 02 chiếc điện thoại Iphone X và số tiền 548.000 đồng, xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án nên trả cho bị hại. Đối với 01 điện thoại di động Iphone 6 plus không liên quan đến việc phạm tội, cần trả lại cho bị cáo. Đối với 01 vé tàu Trung Quốc là vật không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Đối với anh Nguyễn Đ và chị Phạm T là người cho bị cáo mượn tài khoản để chuyển tiền nhưng không biết số tiền này là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không khởi tố là có căn cứ.

[11] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

[12] Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo qui định tại Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 357; Điều 584; Điều 589 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào điểm a, c khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Dương U phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Dương U 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 27/6/2018.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu APPLE IPHONE 5S màu vàng, số IMEI: 358699055942418.

- Trả cho bị cáo Dương U: 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu APPLE IPHONE 6 PLUS màu vàng, số IMEI: 359249060737699.

- Trả cho chị Ma L: 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu APPLE IPHONE X màu trắng, số IMEI: 353040093671971; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu APPLE IPHONE X màu đen, số IMEI: 353043092379505 và số tiền 548.000 đồng (năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng);

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) mảnh giấy có các ký tự nước ngoài, kích thước 04cm x 06 cm (vé tàu Trung Quốc).

(Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 16 tháng 10 năm 2018).

4. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Dương U và bị hại chị Ma L. Bị cáo Dương U có trách nhiệm trả cho chị Ma L số tiền 10.752.000 đồng (mười triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí: Bị cáo Dương U phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 537.000 đồng (năm trăm ba mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND thành phố Lạng Sơn;
- Công an thành phố Lạng Sơn (02 bản);
- Chi cục THADS thành phố Lạng Sơn;
- Bị cáo; bị hại; NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Hải Đoàn